

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2014/TT-BTC

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
GIỜ C. NGÀY 02/5/2014
TTĐT

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: C
Ngày: 03/5

THÔNG TƯ**Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 138/2007/NĐ-CP) và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 138/2007/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2013/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Quỹ).
2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Chương II **QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN**

Mục 1 **QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN CỦA QUỸ**

Điều 3. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là mức vốn được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ không được thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu là 100 tỷ đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

2. Vốn điều lệ thực có là số vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ.

3. Khi có nhu cầu tăng vốn điều lệ, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và nguồn bổ sung vốn điều lệ, Quỹ xây dựng phương án tăng vốn điều lệ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Phương án tăng vốn điều lệ của Quỹ bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Vốn điều lệ thực có, số dư các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm xây dựng phương án tăng vốn điều lệ;

b) Thuyết minh nhu cầu và kế hoạch mở rộng hoạt động của Quỹ;

c) Số vốn điều lệ cần tăng thêm để đáp ứng nhu cầu và kế hoạch mở rộng hoạt động của Quỹ;

d) Nguồn để tăng vốn điều lệ;

đ) Kế hoạch, lộ trình và thẩm quyền quyết định tăng vốn điều lệ.

4. Thẩm quyền quyết định tăng vốn điều lệ

a) Trường hợp Quỹ bổ sung vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương án tăng vốn điều lệ.

b) Trường hợp Quỹ sử dụng ngân sách địa phương để bổ sung vốn điều lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và thực hiện tăng vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

Điều 4. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

1. Vốn điều lệ thực có;

2. Quỹ dự phòng tài chính;

3. Quỹ đầu tư phát triển;

4. Các nguồn vốn hợp pháp khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Huy động vốn

1. Quỹ được huy động vốn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo các nguyên tắc cơ bản sau:

a) Nguồn vốn huy động là nguồn vốn trung và dài hạn (là các nguồn vốn có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở lên).

b) Hình thức huy động vốn theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

c) Đảm bảo giới hạn huy động vốn theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền huy động vốn thực hiện theo quy định tại Quy chế huy động vốn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

2. Quỹ xây dựng Quy chế huy động vốn trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Quy chế huy động vốn phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích huy động vốn;

b) Các nguồn vốn và hình thức huy động;

c) Quy trình xây dựng và thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn từ các nguồn theo quy định của pháp luật;

d) Kế hoạch quản lý và sử dụng vốn huy động;

đ) Kế hoạch và trách nhiệm trả nợ lãi, gốc khi đến hạn.

Điều 6. Quản lý, sử dụng vốn hoạt động

1. Vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động theo quy định tại Điều 4 và Khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Quỹ được sử dụng vốn hoạt động để thực hiện các chức năng quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, bao gồm: đầu tư trực tiếp, cho vay; và góp vốn thành lập tổ chức kinh tế (sau đây gọi tắt là góp vốn thành lập doanh nghiệp). Việc sử dụng vốn phải đảm bảo nguyên tắc đúng mục đích và an toàn. Việc cho vay, đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp được thực hiện theo hợp đồng ký kết với các bên có liên quan theo các quy chế nghiệp vụ đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

3. Quỹ được sử dụng tối đa 10% vốn chủ sở hữu để đầu tư xây dựng mới, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định. Thẩm quyền phê duyệt hạn mức đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. Quỹ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn hoạt động, bao gồm:

a) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro nghiệp vụ và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật;

c) Trích lập các dự phòng sau:

- Dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP;

- Dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư trực tiếp, dự phòng các khoản phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp.

d) Tuân thủ giới hạn đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

5. Quỹ có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt các Quy chế về cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp và đầu tư, mua sắm, quản lý tài sản theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.

Điều 7. Quản lý các khoản cho vay

1. Quỹ xây dựng và trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt Quy chế cho vay để quản lý các khoản cho vay theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Quy chế cho vay phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Lĩnh vực, đối tượng và điều kiện cho vay đối với từng hình thức cho vay, bao gồm: trực tiếp cho vay, ủy thác cho vay và cho vay hợp vốn;

b) Thời hạn, lãi suất, giới hạn cho vay đối với từng hình thức cho vay; quyền và trách nhiệm của các bên;

c) Quy trình thẩm định, thẩm quyền quyết định cho vay và đảm bảo tiền vay;

d) Hình thức đảm bảo tiền vay, cơ chế quản lý tài sản đảm bảo;

đ) Các mẫu hợp đồng trực tiếp cho vay, ủy thác cho vay và hợp vốn cho vay;

e) Quy trình giải ngân, giám sát các khoản cho vay và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng;

g) Quy trình và thẩm quyền xử lý rủi ro.

3. Đối với hình thức hợp vốn cho vay: Hợp đồng hợp vốn do các thành viên tham gia hợp đồng thỏa thuận nhưng phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ, người đại diện pháp luật của các thành viên tham gia hợp vốn;

b) Thông tin chủ yếu về khách hàng và dự án cho vay;

c) Hình thức cho vay; tổng số tiền cho vay hợp vốn; mức cho vay của từng thành viên tham gia hợp vốn; lãi suất cho vay đối với từng khoản vay;

d) Hình thức giải ngân, thu nợ lãi và gốc của các khoản cho vay hợp vốn;

đ) Tài sản đảm bảo và quản lý tài sản đảm bảo; cơ chế xử lý tài sản đảm bảo khi khách hàng không trả nợ đúng hạn;

e) Quyền và nghĩa vụ của các thành viên tham gia cho vay hợp vốn;

g) Hình thức xử lý rủi ro trong quá trình cho vay hợp vốn; giải quyết bất đồng giữa các thành viên tham gia cho vay hợp vốn;

h) Cơ chế kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay hợp vốn.

Điều 8. Quản lý các khoản đầu tư trực tiếp

1. Quỹ xây dựng và trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt Quy chế đầu tư trực tiếp để quản lý các khoản đầu tư trực tiếp theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Quy chế đầu tư trực tiếp của Quỹ phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Lĩnh vực, đối tượng, điều kiện, hình thức, giới hạn đầu tư trực tiếp;

b) Quy trình xây dựng, thẩm định, thẩm quyền quyết định phương án đầu tư trực tiếp;

c) Quy trình thực hiện, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư trực tiếp;

d) Quy trình đầu tư bổ sung, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư trực tiếp;

đ) Quy trình trích lập dự phòng rủi ro;

e) Quy trình và thẩm quyền xử lý rủi ro.

3. Trường hợp Quỹ góp vốn thành lập doanh nghiệp dự án theo quy định của pháp luật để quản lý và thực hiện duy nhất một dự án đầu tư thì khoản góp vốn thành lập doanh nghiệp được tính gộp vào tổng số vốn đầu tư trực tiếp và phải tuân thủ quy định về lĩnh vực và giới hạn đầu tư trực tiếp tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

Điều 9. Quản lý các khoản góp vốn vào doanh nghiệp

1. Quỹ xây dựng và trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp để quản lý các khoản góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật.

2. Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Lĩnh vực, đối tượng, điều kiện, hình thức, giới hạn góp vốn;

b) Quy trình xây dựng, thẩm định, thẩm quyền quyết định phương án góp vốn;

c) Quy trình góp vốn, góp vốn bổ sung và chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn góp;